

Số: 09/TB-HĐKTMH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO

**Kết quả chấm phúc khảo bài thi học kỳ 1
Năm học 2023-2024 (Thi lần 1) Trình độ Cao đẳng
(Điều chỉnh)**

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm thi lần 1	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0101001002	Anh văn chuyên ngành công nghệ thông tin	22661003	Nguyễn Tường Vy	2.8	2.8	
2	0101001252	Anh văn kế toán	22621143	Trần Nguyễn Kim Vân	8.2	8.2	
3	0101000714	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	22641402	Lê Tuấn Kiệt	7.0	7.0	
4	0101000895	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	23613011	Lê Minh Nhiều	8.5	8.5	
5	0101000974	Đồ họa ứng dụng	23662002	Nguyễn Văn Đạt	7.5	8.0	
6	0101000974	Đồ họa ứng dụng	23662018	Phan Nguyễn Anh Phương	0.0	0.0	
7	0101001253	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì	22613050	Trần Thị Thu Hiền	8.0	8.0	
8	0101001253	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì	22613076	Tạ Thị Mỹ Dung	6.0	6.0	
9	0101001253	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì	22613149	Nguyễn Thị Kim Cương	6.0	6.0	
10	0101001253	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì	22613031	Lê Quang Đạo	4.5	4.5	
11	0101000914	Hệ thống thông tin logistics	22613149	Nguyễn Thị Kim Cương	8.0	8.0	
12	0101001224	Kế toán chi phí	22631349	Nguyễn Như Quỳnh	6.6	6.6	
13	0101001224	Kế toán chi phí	22631009	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	6.7	6.7	
14	0101001224	Kế toán chi phí	22631025	Nguyễn Thị Ngọc Hân	6.2	6.2	
15	0101001224	Kế toán chi phí	22631114	Phạm Hoàng Phúc	5.0	5.0	
16	0101001224	Kế toán chi phí	22631531	Nguyễn Bảo Trúc Vy	8.5	8.2	
17	0101000698	Kế toán quản trị	22631493	Lâm Tú My	5.3	5.3	
18	0101000698	Kế toán quản trị	22631009	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	7.5	7.5	
19	0101000698	Kế toán quản trị	22631417	Nguyễn Thị Trà My	2.8	2.8	

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm thi lần 1	Điểm phúc khảo	Ghi chú
20	0101001223	Kế toán tài chính (2)	22634009	Nguyễn Thị Mỹ An	4.4	4.3	
21	0101001223	Kế toán tài chính (2)	22631534	Trần Thị Thanh Trúc	5.7	5.7	
22	0101001223	Kế toán tài chính (2)	22631009	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	6.8	7.4	
23	0101001223	Kế toán tài chính (2)	22631025	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7.6	7.6	
24	0101001223	Kế toán tài chính (2)	22631031	Võ Thái Hòa	7.6	7.6	
25	0101001223	Kế toán tài chính (2)	22631411	Nguyễn Quỳnh Như	1.9	1.9	
26	0101001223	Kế toán tài chính (2)	22634018	Đào Thu Hiền	6.5	6.7	
27	0101000983	Kiểm toán	21631316	Phạm Thu Hiền	7.3	7.3	
28	0101001328	Lập trình hướng đối tượng	22661145	Nguyễn Phúc Thiện	4.7	4.7	
29	0101000667	Lý thuyết tài chính tiền tệ	23631045	Nguyễn Thị Thuý Ngân	2.0	2.0	
30	0101000408	Pháp luật	23613011	Lê Minh Nhiều	6.2	6.2	
31	0101000780	Quản trị chất lượng	22641093	Bùi Thị Thuý Vy	4.8	4.8	
32	0101000780	Quản trị chất lượng	22641774	Lê Minh Triết	6.8	6.8	
33	0101000779	Quản trị nguồn nhân lực	22641837	Nguyễn Ngọc Như Ý	6.8	6.8	
34	0101000779	Quản trị nguồn nhân lực	22641774	Lê Minh Triết	6.5	6.5	
35	0101000779	Quản trị nguồn nhân lực	22641153	Nguyễn Đông Hoài	7.0	7.0	
36	0101000784	Quản trị sản xuất	22641774	Lê Minh Triết	6.6	6.6	
37	0101000783	Quản trị tài chính	22651011	Võ Thành Huy	7.3	8.0	
38	0101000783	Quản trị tài chính	22641774	Lê Minh Triết	4.0	4.0	
39	0101000783	Quản trị tài chính	22641126	Nguyễn Thái Bảo	5.5	6.0	
40	0101000783	Quản trị tài chính	22641402	Lê Tuấn Kiệt	8.0	8.8	
41	0101000783	Quản trị tài chính	22641093	Bùi Thị Thuý Vy	6.3	6.3	
42	0101000804	Quản trị thương hiệu	21641015	Dương Thị Ngọc Khánh	4.6	5.2	
43	0101000804	Quản trị thương hiệu	21641823	Nguyễn Hoài An	5.4	5.4	

HÀNH
 RƯỜNG
 ỨNG KINH T
 Ỗ CHỈ MINH
 HMI

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm thi lần 1	Điểm phúc khảo	Ghi chú
44	0101000804	Quản trị thương hiệu	21641125	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	4.0	4.0	
45	0101001143	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	22631534	Trần Thị Thanh Trúc	5.0	5.0	
46	0101001143	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	22631318	Nguyễn Đặng Hoàng Yến	7.0	7.0	
47	0101001143	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	22631490	Nguyễn Thị Lưu Luyến	1.0	1.0	
48	0101001143	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	22631531	Nguyễn Bảo Trúc Vy	4.8	4.8	
49	0101000690	Thanh toán quốc tế	22631420	Trịnh Ngân Linh	5.8	5.8	
50	0101000690	Thanh toán quốc tế	22612058	Võ Thị Kim Huệ	3.2	3.2	
51	0101000690	Thanh toán quốc tế	22631349	Nguyễn Như Quỳnh	7.0	7.0	
52	0101000692	Thị trường chứng khoán	22631420	Trịnh Ngân Linh	3.8	4.3	
53	0101001232	Thực hành khai báo thuế	21631345	Trần Ngọc Mỹ Chi	7.5	7.5	
54	0101000685	Thuế	21631345	Trần Ngọc Mỹ Chi	5.5	5.5	
55	0101000311	Tiếng Anh (1)	23631018	Trần Thị Ngọc Huyền	4.9	4.9	
56	0101000311	Tiếng Anh (1)	23635173	Huỳnh Anh Thư	4.3	4.3	
57	0101001091	Tiếng Anh chuyên ngành kinh doanh xuất nhập khẩu	22612058	Võ Thị Kim Huệ	4.0	4.0	
58	0101000316	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	22641774	Lê Minh Triết	6.6	6.6	
59	0101000665	Tin học	23635116	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	1.0	1.0	
60	0101000665	Tin học	23635075	Đỗ Ngọc Nin	1.0	1.0	
61	0101001138	Ứng dụng excel trong ngành Tài chính - Ngân hàng	21635035	Nguyễn Công Thành	8.0	8.5	

Nơi nhận:

- Các thành viên Hội đồng thi (để thực hiện);
- Sinh viên (để biết);
- Lưu: HĐKTMH.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH TRƯỞNG
Phạm Hùng Dũng**